

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

LÊ THỊ BÍCH THUẬN (Tổng Chủ biên)
NGUYỄN MINH HÙNG – MẠI TẤN LINH (Đồng Chủ biên)
PHẠM DUY ANH – HUỲNH THỊ HƯƠNG LAN – NGUYỄN HOÀNG MAI – VÕ VĂN MINH
MAI THỊ PHƯƠNG – HÀ THÚC QUANG – LƯU ANH RÔ – HUỲNH ĐÌNH QUỐC THIÊN – LÊ MINH THUY
HÀ THỊ THƯ – BÙI VĂN TIẾNG – LÊ NGUYỄN SƠN TRÀ – PHẠM THỊ TRINH – HÀ VỸ

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Lớp

10

MỤC LỤC

Chủ đề	Nội dung	Trang
1	Vị trí địa lí của thành phố Đà Nẵng trong phát triển kinh tế	5
2	Tín ngưỡng và tôn giáo ở thành phố Đà Nẵng	9
3	Giá trị văn hoá truyền thống của thành phố Đà Nẵng	21
4	Ngành nghề phổ biến ở thành phố Đà Nẵng	26
5	Đa dạng sinh học của thành phố Đà Nẵng	32

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến!

Các em đang sinh sống và học tập tại thành phố Đà Nẵng – một trong những trung tâm chính trị – kinh tế – văn hoá của khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

Tài liệu Giáo dục địa phương thành phố Đà Nẵng lớp 10 được biên soạn nhằm cung cấp cho các em những hiểu biết cơ bản về lịch sử, địa lí, văn hoá, kinh tế, môi trường,... của thành phố Đà Nẵng. Tài liệu gồm 5 chủ đề, mỗi chủ đề được xây dựng theo cấu trúc thống nhất và đảm bảo tính lô-gic giữa các hoạt động Mở đầu – Kiến thức mới – Luyện tập – Vận dụng. Với cấu trúc này, các em sẽ thực hiện các hoạt động dưới sự hướng dẫn của giáo viên để hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập. Từ đó, các em có thêm cơ hội hiểu biết đúng về những giá trị đặc trưng của vùng đất này, có niềm tự hào và ý thức trách nhiệm trong việc bảo tồn và phát huy những giá trị đó.

Hi vọng tài liệu này sẽ mang lại cho các em những kiến thức bổ ích và những trải nghiệm thú vị.

NHÓM TÁC GIẢ

Kí hiệu và hướng dẫn sử dụng tài liệu



MỞ ĐẦU

MỞ ĐẦU

Giới thiệu một số nội dung liên quan đến chủ đề, định hướng việc tổ chức các hoạt động học tập.



KIẾN THỨC MỚI

KIẾN THỨC MỚI

Giải thích, cung cấp thông tin liên quan đến nội dung chủ đề.



LUYỆN TẬP

LUYỆN TẬP

Từ kiến thức, học sinh được rèn luyện phát triển các kĩ năng phù hợp với nội dung chủ đề.



VẬN DỤNG

VẬN DỤNG

Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn phù hợp với nội dung chủ đề.

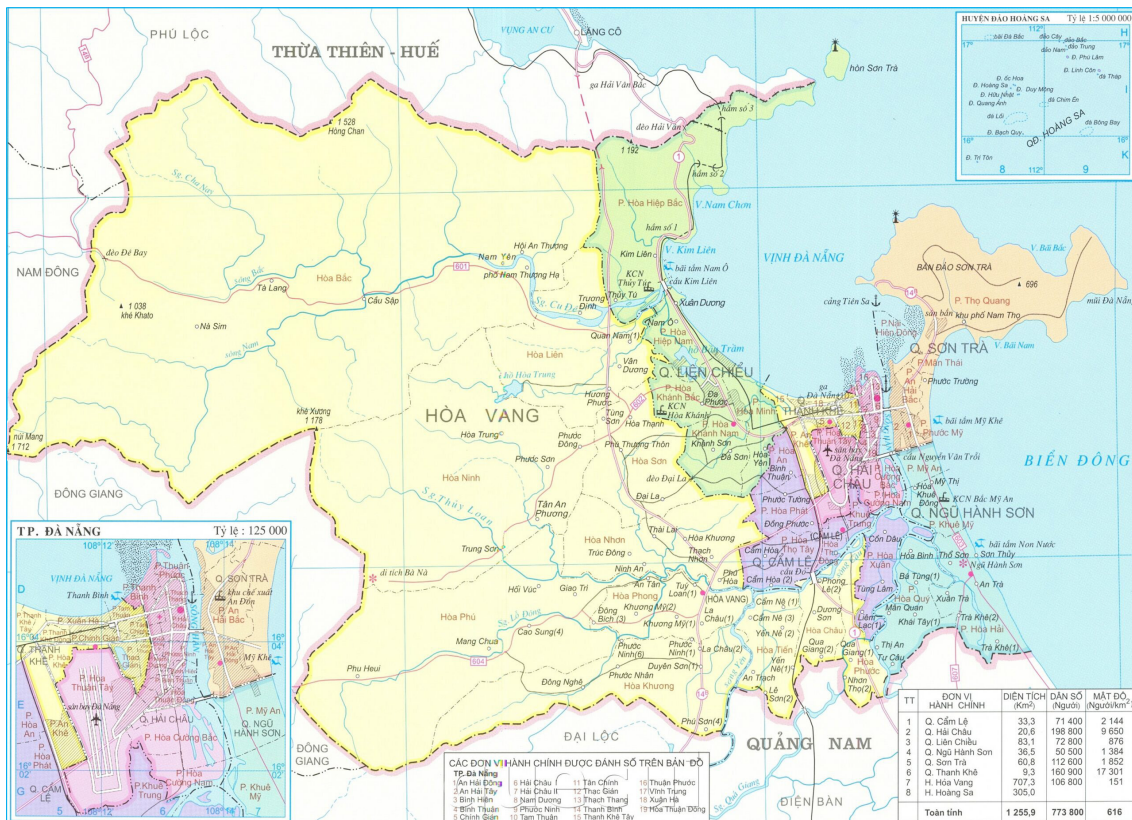
Mục tiêu:

- Nêu được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của thành phố Đà Nẵng;
- Trình bày được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với việc phát triển kinh tế – xã hội của thành phố cho người thân và cộng đồng thông qua những hoạt động phù hợp.



MỞ ĐẦU

Đà Nẵng là một trong 5 thành phố trực thuộc Trung ương, có vai trò động lực cho khu vực miền Trung – Tây Nguyên, là thành phố lớn nhất khu vực duyên hải Nam Trung Bộ. Vị trí địa lí của thành phố có nhiều thuận lợi để phát triển kinh tế – xã hội.



Hình 1.1. Bản đồ hành chính thành phố Đà Nẵng



1. Vị trí địa lí của thành phố Đà Nẵng

Đà Nẵng có phần lãnh thổ trên đất liền trải từ $15^{\circ}15'B$ đến $16^{\circ}40'B$ và từ $107^{\circ}17'D$ đến $108^{\circ}20'D$ và quần đảo Hoàng Sa nằm cách đất liền khoảng 170 hải lí trải dài từ $15^{\circ}43'10''$ đến $17^{\circ}06'53''B$ và từ $111^{\circ}11'12''$ đến $112^{\circ}53'20''Đ$. Phía Bắc thành phố Đà Nẵng giáp tỉnh Thừa Thiên Huế, phía Nam và Tây giáp tỉnh Quảng Nam, phía Đông giáp Biển Đông. Đà Nẵng nằm ở vị trí trung độ của cả nước, cuối tuyến hành lang kinh tế Đông – Tây và nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, là trung điểm của con đường di sản văn hoá thế giới nổi tiếng.



Hãy xác định vị trí địa lí của thành phố Đà Nẵng trên Bản đồ hành chính Việt Nam. Vị trí địa lí đó có ý nghĩa như thế nào đến sự phát triển kinh tế – xã hội của thành phố?

2. Ý nghĩa của vị trí địa lí đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của thành phố Đà Nẵng

a) Những thuận lợi, ưu thế

– Nằm trên bờ Biển Đông, phía bắc là dãy núi Bạch Mã, thiên nhiên của thành phố Đà Nẵng mang sắc thái của vùng khí hậu cận xích đạo gió mùa, có nền nhiệt độ cao và ít biến động.

– Thành phố Đà Nẵng được thiên nhiên ưu đãi, có đồng bằng, miền núi, biển, sông với nhiều tiềm năng về phát triển kinh tế, văn hoá, du lịch. Thành phố Đà Nẵng nằm trên trục giao thông Bắc – Nam về đường bộ (Quốc lộ 1A, đường cao tốc Bắc – Nam), đường sắt, đường biển và đường hàng không; là cửa ngõ giao thông quan trọng của miền Trung – Tây Nguyên. Vị trí này giúp Đà Nẵng dễ dàng trở thành đầu mối giao thông quan trọng của khu vực miền Trung – Tây Nguyên và cả nước với hệ thống sân bay quốc tế, cảng biển nước sâu, các tuyến đường bộ, đường sắt Bắc Nam phát triển hoàn chỉnh và thuận lợi.

– Đà Nẵng là thành phố cảng biển nằm ở điểm cuối của tuyến Hành lang kinh tế Đông – Tây, đóng vai trò quan trọng trong khu vực tiểu vùng sông Mê Kông và là cửa ngõ ra Thái Bình Dương của vùng nội địa giàu tiềm năng của Lào, Đông Bắc Thái Lan, Miến Điện (Myanmar) và miền Trung – Tây Nguyên Việt Nam.

Trong tương lai, khi thực hiện tự do hoá thương mại và đầu tư khu vực Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) thì vị trí của thành phố Đà Nẵng càng phát huy lợi thế quan trọng trong việc đẩy mạnh hợp tác khu vực, mở rộng

giao thương kinh tế với các nước; thúc đẩy đầu tư phát triển du lịch; góp phần nâng cao đời sống cho nhân dân vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

– Đà Nẵng nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung nên có ưu thế trong việc tập trung các nguồn lực đầu tư, thu hút nhiều dự án đầu tư lớn về kết cấu hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao.

– Đà Nẵng nằm trên “Con đường di sản thế giới”, là tâm điểm kết nối các di sản thế giới như: Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng, Quần thể di tích cố đô Huế, Nhã nhạc cung đình Huế, Nghệ thuật bài chòi Trung Bộ, Thơ văn trên kiến trúc cung đình Huế, Ma nhai Ngũ Hành Sơn, Phố cổ Hội An, Khu di tích Mỹ Sơn,... nên Đà Nẵng càng có nhiều lợi thế so sánh và điều kiện phát triển kinh tế – xã hội.

b) Những khó khăn, thách thức

– Nằm trong khu vực Nam Trung Bộ thuộc khí hậu Đông Trường Sơn nên Đà Nẵng chịu nhiều thiên tai như bão, lũ, các đợt nắng nóng kéo dài, mùa mưa ngắn tập trung vào thu – đông nên tác động xấu đến đời sống và sinh hoạt của người dân.

– Tiềm năng của lợi thế so sánh về vị trí địa lí để cạnh tranh với các khu vực khác trong nước và nước ngoài là rất lớn nhưng việc khai thác, phát huy được được tiềm năng đó đang đặt ra cho thành phố nhiều vấn đề cần giải quyết.



Hình 1.2. Vị trí thành phố Đà Nẵng trên bản đồ Việt Nam



Dựa trên những thuận lợi nổi bật nào của vị trí địa lí để ngành du lịch thành phố Đà Nẵng phát triển mạnh trong những năm gần đây?



LUYỆN TẬP

1. Hãy xác định vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của thành phố Đà Nẵng trên bản đồ hành chính Việt Nam.
2. Tại sao nói thành phố Đà Nẵng có vị trí địa lí thuận lợi để đẩy mạnh hợp tác trong khu vực, mở rộng giao thương kinh tế với các vùng trong nước, với các nước trong khu vực và thế giới?



VẬN DỤNG

Căn cứ vào kiến thức về vị trí địa lí của thành phố Đà Nẵng và hiểu biết của bản thân về địa phương em sinh sống, hãy cho biết:

1. Tìm hiểu và trình bày một số ngành kinh tế phát triển dựa trên lợi thế về vị trí địa lí của thành phố Đà Nẵng.
2. Hãy thuyết phục nhà đầu tư vào phát triển kinh tế thành phố dựa trên nguồn lực vị trí địa lí.

Mục tiêu:

- Nêu được những nét nổi bật về tín ngưỡng và tôn giáo của người dân Đà Nẵng;
- Trình bày được ý nghĩa của tín ngưỡng và tôn giáo đối với đời sống văn hoá tinh thần của người dân Đà Nẵng.

**MỞ ĐẦU**

Tín ngưỡng và tôn giáo hiện diện trên vùng đất Đà Nẵng với nhiều hình thức, hoạt động phong phú, đa dạng trong sự thống nhất chung của đời sống văn hoá tâm linh cả nước. Tuy nhiên, trong quá trình hình thành và phát triển, tín ngưỡng và tôn giáo ở Đà Nẵng cũng có bản sắc riêng.

**KIẾN THỨC MỚI****I. TÍN NGƯỠNG Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Trong hành trang văn hoá của lưu dân đầu tiên đặt chân đến xứ Quảng từ thế kỷ XV, XVI, ngoài những kiến thức và kinh nghiệm về tổ chức đời sống gia đình, xã hội, tổ chức sản xuất, ứng phó với thiên nhiên,... còn có những giá trị đời sống tâm linh. Đó là tín ngưỡng dân gian, bao gồm tín ngưỡng gia đình và tín ngưỡng cộng đồng, chủ yếu đến từ các địa phương Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh và các địa phương vùng Kinh Bắc. Bước sang những thế kỷ sau, theo dòng di cư về phương Nam, có thêm cư dân nhiều vùng khác thuộc châu thổ sông Hồng, sông Thái Bình, cùng với tín ngưỡng của dân bản địa như Chăm, Cơ Tu,... càng làm cho đời sống tín ngưỡng ở địa phương thêm đa dạng, phong phú.



Tín ngưỡng ở xứ Quảng được hình thành như thế nào?

1. Tín ngưỡng gia đình

a) Thờ cúng tổ tiên

Như bao người dân trên cả nước, người Đà Nẵng rất coi trọng việc thờ cúng tổ tiên. Với quan niệm “Chim có tổ, người có tông”, con cháu phải luôn ghi nhớ công ơn tiền nhân và cầu mong ông bà phù hộ cho tai qua nạn khỏi, làm ăn phát đạt. Thờ cúng tổ tiên đã trở thành tín ngưỡng nổi bật, phổ biến, mang giá trị thiêng liêng và vẻ đẹp nhân văn sâu sắc.

Bàn thờ gia tiên được bố trí trang trọng ở gian giữa ngôi nhà, có khi đặt ở gian bên trái theo hướng ngoài sân nhìn vào hoặc ở tầng trên ngôi nhà. Nhiều gia đình sắm bộ đồ thờ “tam sự” gồm có: lư (đỉnh), cặp chân đèn, đồc bình,... làm bằng đồng, sứ hoặc gỗ.

Với ý thức luôn coi trọng ngày giỗ tổ tiên, ông bà, cha mẹ,... người giàu hay nghèo cũng đều gắng dành những món ngon từ heo gà đến hoa quả theo mùa, nếp đậu để nấu xôi, gói bánh,... Con cháu xa gần đều nhớ ngày giỗ chạp để trở về.

b) Các tín ngưỡng khác

Người Việt Nam xưa theo tín ngưỡng đa thần, tôn thờ và tin tưởng sức mạnh hữu hình và cả sức mạnh vô hình.

Nhiều gia đình ở Đà Nẵng, ngoài bàn thờ cúng gia tiên, còn có bàn thờ Ông Táo. Hằng năm, đến ngày 23 tháng Chạp (Âm lịch), nhiều gia đình ở Đà Nẵng vẫn duy trì tục cúng Táo quân, gọi là “đưa ông Táo về trời”. Hình tượng Táo quân áo mũ chỉnh tề, cưỡi cá chép lên thiên đình tâu với Ngọc Hoàng thượng đế mọi việc của gia chủ đã ăn sâu trong tiềm thức người dân. Mâm lễ cúng Táo quân gồm: tượng ông Táo bằng đất nung, nhang, xôi, chè, hoa quả, nước trà,...

Ở vùng đất Nam Trung Bộ và Đà Nẵng còn có tục thờ cúng Ông Địa. Ông Địa là biểu tượng của lòng nhân ái, sẵn sàng giúp đỡ mọi người, rõ mọi góc ngách trong khu vực nhà do thần cai quản, ngăn ngừa sự xâm hại, những điều xấu. Khám thờ Ông Địa đặt ở vị trí nơi nền nhà sát mặt đất, phía trái bàn thờ chính, mặt hướng ra phía trước nhà.

Nhiều gia đình còn có tục thờ Thần Tài cùng với Ông Địa, hai vị thần này được đặt chung trong một khám thờ: một bên là cốt tượng mang hình dạng một ông già mày trắng, râu trắng ở trong tư thế đứng hoặc ngồi biểu hiện sự ăn nên làm ra; bên cạnh là Ông Địa bụng phệ, vẻ mặt luôn tươi cười, tượng trưng cho sự sung mãn, vui vẻ.

2. Tín ngưỡng cộng đồng

a) Thờ Thành Hoàng

Đà Nẵng là vùng đất mới thuộc Đại Việt hơn 5 thế kỉ, nên tục thờ Thành Hoàng khá phổ biến ở các làng xã xưa nay. Với truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, người dân đã đưa vào thờ ở đình làng các vị tiền hiền có công lập làng, các vị hậu hiền có công khai phá, tạo dựng xóm làng, lập chợ,... như những nhân

thần dù là không tên hay có tên cụ thể. Việc thờ các vị tiền hiền tại những đình làng ở Đà Nẵng vốn được nâng cao từ tín ngưỡng thờ cúng ông bà tổ tiên.

Đình Hải Châu, quận Hải Châu, là nơi thờ 42 chư phái tộc, thờ Thành Hoàng, các vị tiền hiền và hậu hiền của làng. Đình Tuý Loan, huyện Hoà Vang, hằng năm có hai dịp cúng tế: mùa xuân vào ngày 14 và 15 tháng 2 Âm lịch, mùa thu vào ngày 14 và 15 tháng 8 Âm lịch, làng đều tổ chức nghi lễ và lễ hội truyền thống thu hút đông đảo mọi tầng lớp nhân dân tham gia.



Hình 2.1. Đình Tuý Loan, xã Hoà Phong, huyện Hoà Vang

Để tưởng nhớ công lao của Thoại Ngọc Hầu (Nguyễn Văn Thoại), nhân dân làng An Hải đã tôn ông là hậu hiền của làng. Ngoài mùng 2 tháng 3 giỗ tiền hiền, đến mùng 6 tháng 6 hằng năm, dân làng An Hải có tổ chức giỗ hậu hiền, đồng thời kỉ niệm ngày mất của danh nhân Thoại Ngọc Hầu tại đình An Hải, quận Sơn Trà.



Hình 2.2. Đình An Hải, phường An Hải Tây, quận Sơn Trà

Tín ngưỡng thờ Thành Hoàng và các vị thủy tổ của các cư phái tộc trong làng còn được tổ chức ở nhiều đình làng cổ khác như đình Bồ Bản (xã Hoà Phong, huyện Hoà Vang), đình Đại La (xã Hoà Sơn, huyện Hoà Vang), đình Thanh Khê (phường Thanh Khê Đông, quận Thanh Khê), đình Nại Nam (phường Hoà Cường Nam, quận Hải Châu), đình Thạc Gián (phường Chính Gián, quận Thanh Khê),...

b) Thờ Mẫu

Việc thờ phụng Nữ thần và Mẫu thần là tín ngưỡng chung của các tộc người Việt và Đông Nam Á. Tuy nhiên, xuất phát từ môi trường tự nhiên, hoàn cảnh kinh tế – xã hội và truyền thống văn hoá, việc thờ phụng Nữ thần, Mẫu thần có nét đặc thù riêng ở từng nơi. Theo tư duy cổ sơ của cư dân nông nghiệp, mọi sự vận xoay của vũ trụ và tạo hoá đều được giải thích bằng quan niệm âm dương tương sinh tương khắc. Các yếu tố đất, nước, mây, mưa, lúa,... đều mang tính âm, thuộc tính của người Nữ, của Mẫu (Mẹ): Mẹ Đất, Mẹ Nước, Mẹ Mây, Mẹ Mưa, Mẹ Lúa,... Trên đường Nam tiến, tín ngưỡng thờ Mẫu đã theo chân lưu dân tích hợp thêm nhiều thần linh khác của các tộc người bản địa, tạo thành một hệ thống các nữ thần đa dạng và phồn thịnh. Hiện tượng này diễn ra khá đậm nét trên đất Quảng Nam, Đà Nẵng với tín ngưỡng thờ Mẫu – thờ Nữ thần và Mẫu thần.

Riêng tại Đà Nẵng, có thể kể đến những vị thần mang tên “Bà” như: Bà Quán Thế Âm, Bà Ngũ Hành,... Các nơi thờ tự có miếu Bà Liễu Hạnh (Nam Ô, quận Liên Chiểu), miếu Bà Ngũ Hành, miếu Bà Lôi, miếu Bà Thủy, miếu Bà Chúa Ngọc nằm dọc theo sông Cổ Cò (quận Ngũ Hành Sơn). Đặc biệt, đền Tam Thanh ở Ngũ Hành Sơn được dựng vào năm Minh Mạng thứ 6 (1825), phối thờ cả ba vị thần là Thiên Y A Na (Nữ thần Chăm-pa), Bùi Tá Hán và Lê Quân Công. Tại đình Tân Thái, Nam Thọ (quận Ngũ Hành Sơn), tượng thần Thiên Y A Na được phối tự cùng với Phật Bà Quan Âm và Bà Ngũ Hành,... Nữ thần Thiên Y A Na còn được thờ với những thần hiệu khác nhau: A Na thần nữ ở làng Cẩm Lệ (quận Cẩm Lệ) và làng Bình Thới (huyện Hoà Vang)...

Bên cạnh đó, cộng đồng người Việt gốc Hoa ở Đà Nẵng còn có tục thờ Thiên Hậu. Thiên Hậu Thánh Mẫu là vị thần chủ được người Việt gốc Hoa thờ tự trên cả nước. Bà được suy tôn là vị thần bảo trợ sự bình an, phù trì sức khoẻ, tài lộc cho cư dân. Xuất thân từ nguồn gốc tín ngưỡng văn hoá người Hoa, nhưng thần Thiên Hậu Thánh Mẫu có điểm tương đồng với các nữ thần Việt trong đạo thờ Mẫu, cùng mang điều lành đến cho mọi người, cùng ngày vía với Thiên Y A Na, các tín đồ luôn tin rằng hai bà Thiên Hậu và Thiên Y A Na có mối liên hệ với nhau. Ở Đà Nẵng, Thiên Hậu cung là nơi gặp gỡ, giao lưu và dạy tiếng Hoa của cộng đồng người Hoa, đóng vai trò như hình thức một hội quán. Hiện vẫn còn hai cơ sở thờ Thiên Hậu của người Hoa là Chiêu Ứng Tự và Thiên Hậu Cung.

Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Đà Nẵng phản ánh mong ước của người dân về mưa thuận gió hoà, gia đạo an vui, đất nước thái bình.

c) Thờ anh hùng nghĩa sĩ

Thờ tự các vị anh hùng dân tộc ở Đà Nẵng được thể hiện rõ nét qua việc thờ cúng các anh hùng nghĩa sĩ trận vong. Tín ngưỡng này thể hiện qua việc thờ cúng các nghĩa sĩ ở nghĩa trũng Phước Ninh (quận Hải Châu), nghĩa trũng Khuê Trung, nghĩa trũng Gò Đồi – Nghi An (quận Cẩm Lệ), nghĩa trũng Hoá Ổ (Nam Ô, Liên Chiểu). Các nghĩa trũng này phần lớn là nơi quy tập hài cốt các nghĩa sĩ, liệt sĩ và người dân Quảng Nam, Đà Nẵng đã dũng cảm chiến đấu, hi sinh tại mặt trận Đà Nẵng trong buổi đầu kháng Pháp (1858 – 1860). Hằng năm, người dân địa phương luôn nhớ đến thời khắc bi hùng này để chăm lo hương khói, cúng tế, cầu siêu cho các vong linh. Bên cạnh đó, tại địa phương còn có một số nghĩa trũng ghi danh các vị tướng tài trong buổi đầu cuộc kháng Pháp như Lê Đình Lý, Nguyễn Tri Phương,...

d) Thờ cá Ông (Ông ngư)

Đây là tín ngưỡng dân gian được hình thành trong quá trình tiếp biến văn hoá Việt – Chăm. Trong tâm thức ngư dân vùng biển từ đèo Ngang trở vào, trong đó có ngư dân Đà Nẵng, đặt tin tưởng vào loài cá voi vừa “hiền” vừa “thiên” mà gọi một cách kính trọng là cá Ông, dù sự cứu người đi biển của cá voi có bóng dáng huyền thoại nhiều hơn là hiện thực.

Thờ cúng cá Ông của ngư dân Đà Nẵng là dạng tín ngưỡng vật linh. Lễ tế cá Ông hay còn gọi là lễ hội Cầu ngư là lễ quan trọng bậc nhất của ngư dân ven biển Quảng Nam, Đà Nẵng. Theo ngư dân, cá Ông là sinh vật thiêng ở biển, được biểu hiện bằng những bộ xương cá đặt nơi khám thờ, bằng những ngôi mộ nằm rải rác trong khuôn viên của đình, hay lăng thờ. Dọc ven biển Đà Nẵng, ở các phường sinh sống bằng nghề sông nước như Thanh Khê Đông, Thanh Khê Tây, Xuân Hà, Nại Hiên Đông, Mân Thái,... có khá nhiều lăng miếu thờ cá Ông. Các vua nhà Nguyễn đã ban sắc phong cho cá Ông mà ngày nay một số còn được lưu giữ tại các đình làng như lăng ngư Ông Tân Thái (quận Sơn Trà), lăng Ông ngư (Nam Ô, quận Liên Chiểu),... Thời gian mở lễ hội Cầu ngư không thống nhất chung, nhiều nơi lấy ngày phát hiện “Ông luy” (cá Ông bị sóng đánh trôi dạt vào bờ được phát hiện) làm ngày giỗ Ông nhằm cầu cho một năm mưa thuận gió hoà, đánh bắt bội thu.



Hình 2.3. Lăng ông Ngư, Nam Ô, quận Liên Chiểu

e) Thờ cô hồn (âm linh)

Thờ cô hồn là tín ngưỡng có từ ngàn xưa và khá phổ biến trong cộng đồng cư dân tại Đà Nẵng. Trong các miếu thờ, cô hồn phần lớn là những người chết không nơi nương tựa, những chiến sĩ vô danh, những ngư dân bị sóng gió vùi mất xác, hay vong hồn của những tiền nhân không rõ danh tính đi khai phá vùng đất mới. Người dân thường gọi theo danh xưng tôn kính là thờ âm linh, cô bác.

Ở Đà Nẵng, nhiều nơi thờ tự cô hồn như ở các nghĩa trũng, các miếu âm linh, lăng âm linh dọc các làng chài quận Thanh Khê, Sơn Trà, Liên Chiểu,... Miếu thờ ở mỗi địa phương hầu như đều do người dân trong làng tự góp đất, góp công để xây dựng. Nhiều miếu thờ thần cũng có đặt thêm bàn thờ lộ thiên ở phía trước, để mỗi khi cúng lễ thì kết hợp lễ tế âm linh. Hằng năm, lễ tế cô hồn thường diễn ra trong hai ngày 15 tháng Giêng và ngày 15 tháng 7 Âm lịch.

Tín ngưỡng thờ cúng cô hồn là nét đẹp trong đời sống văn hoá tâm linh của người dân Đà Nẵng, thể hiện tính nhân văn sâu sắc. Người dân tin rằng, âm linh, cô bác được thờ cúng, tưởng nhớ sẽ phù hộ cho những người còn sống được mạnh khoẻ, nhiều may mắn.



Hình 2.4. Đình cô hồn ở làng Nam Ô, quận Liên Chiểu – nơi phụng thờ các chiến sĩ trận vong trong lịch sử và phối thờ thập loại cô hồn tam tộc tứ pháp

g) Thờ tổ nghề

Tại Đà Nẵng, có nhiều làng nghề truyền thống lâu đời, ở đó, duy trì việc thờ phụng tổ nghề. Tiêu biểu là, ông tổ nghề đá được làng đá Non Nước thờ cúng hằng năm vào ngày mùng 6 tháng Giêng Âm lịch với nghi thức lễ trọng gọi là lễ kỵ Thạch nghệ tổ sư. Tại tổ đình làng nghề này, có tục thờ Thần đá – một tín ngưỡng khá lâu đời của người dân địa phương. Thờ tổ nghề là một hoạt động có ý nghĩa suy tôn, tri ân tiền nhân làng nghề, nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị của làng nghề truyền thống trong thời kì mới.



Nêu những nét chính về tín ngưỡng của người dân Đà Nẵng.

II. TÔN GIÁO Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

1. Phật giáo

Phật giáo hình thành ở Ấn Độ từ thế kỉ VI TCN, do Thích Ca Mâu Ni sáng lập, hưng thịnh cho đến thế kỉ VII rồi dần suy yếu và mất đi ảnh hưởng tại Ấn Độ. Tuy vậy, Phật giáo sau đó được truyền bá đến nhiều quốc gia và khu vực, trở thành một trong những tôn giáo lớn nhất thế giới. Phật giáo truyền bá vào nước ta từ rất sớm. Từ sau năm 1471, vùng đất mới ở phía Nam được khai phá và mở rộng. Trong hành trang văn hoá mang theo của tiền nhân, bên cạnh tập tục, tín ngưỡng còn có hình thái của đạo Phật bình dân. Đó là quan niệm đạo Phật bằng hành động theo cách thức ăn chay, cầu an, cầu phúc, hành hương, lễ bái, niệm Phật,... nhằm bày tỏ lòng thành kính, chần tế, phóng sinh,... mà không nặng về mặt giáo lí.

Ngay từ buổi đầu lịch sử Đà Nẵng, Ngũ Hành Sơn – Đà Nẵng, đóng vai trò là một trung tâm Phật giáo lớn. Sách Ngũ Hành Sơn lục chép rằng, thời vua Lê Thánh Tông, khoảng niên hiệu Hồng Đức (1470 – 1497), dưới chân núi Non Nước, nhà vua cho lập hai ngôi cổ tự là chùa Thái Bình ở phía Nam, nằm trên địa phận sau này thuộc làng Quán Khái (hiện còn di tích bia Thái Bình tự thạch bi) và chùa Văn Long ở phía Tây, nằm địa phận sau này thuộc làng Hoá Khuê. Năm 1825, vua Minh Mạng đã đến viếng thắng cảnh Non Nước và cho xây lại chùa Tam Thai, chùa Linh Ứng trên hòn Thủy Sơn, lập làm quốc tự.

Phần lớn các ngôi chùa cổ ở Đà Nẵng được xây dựng vào thế kỉ XVII như: chùa Linh Sơn xây dựng năm 1645 (quận Cẩm Lệ), chùa Long Thủ (cũng còn gọi là chùa Thủ Long, sau đổi tên thành chùa An Long) xây dựng năm 1657 (quận Hải Châu). Ngoài ra, còn có các ngôi chùa chính khác như: Phúc Lâm Tự (Thành giáo hội Phật giáo), Tam Bảo Tự và các ngôi chùa cổ như Thái Bình, Từ Tâm, Phổ Đà,... cùng nhiều chùa được xây dựng, tôn tạo như: chùa Linh Ứng tại Ngũ Hành Sơn, chùa Linh Ứng tại Bà Nà và chùa Linh Ứng tại Bãi Bụt, Sơn Trà,...



Hình 2.5. Chùa Tam Thai, phường Hoà Hải, quận Ngũ Hành Sơn

Đạo Phật đã giữ một vị trí đáng kể trong đời sống tâm linh của người Đà Nẵng. Đạo Phật tác động đến đời sống đạo hữu và người dân thông qua các lễ hội như Phật đản, Vu lan,... Đặc biệt, Lễ hội Quán Thế Âm Ngũ Hành Sơn hằng năm với quy mô tương đối lớn làm nên nét riêng cho Đà Nẵng (gồm phần nghi lễ truyền thống và các hoạt động văn hoá thể thao ngày càng đa dạng) đã được xếp hạng Di sản văn hoá phi vật thể quốc gia năm 2021.



Hình 2.6. Lễ hội Quán Thế Âm Ngũ Hành Sơn – Di sản văn hoá phi vật thể quốc gia

2) Công giáo

Công giáo ra đời vào thế kỉ I ở phần lãnh thổ phía Đông của đế quốc La Mã. Theo truyền thuyết, người sáng lập Công giáo là Giê-su, được sinh ra ở Na-da-rét (nay thuộc I-xra-en). Từ thế kỉ IV, Công giáo được lan toả mạnh mẽ và trở thành một trong những tôn giáo lớn trên thế giới. Vào khoảng giữa thế kỉ XVI, đã có một số giáo sĩ Tây Ban Nha thuộc dòng Đa Minh và Bồ Đào Nha thuộc Dòng Tên đã đến Hội An và cửa biển Đà Nẵng. Cuộc truyền bá đạo Công giáo vào Việt Nam thực sự chính thức bắt đầu vào năm 1615 trên đất Đà Nẵng.

Nhà thờ đầu tiên được xây dựng tại Đà Nẵng chính là nhà nguyện nằm trong khuôn viên của thành Điện Hải, bên cạnh Quân y viện của Pháp. Công trình nhà thờ lớn và cổ nhất ở Đà Nẵng là nhà thờ Phú Thượng, được xây dựng hoàn thành vào năm 1887, thuộc địa phận xã Hoà Sơn, huyện Hoà Vang. Giáo xứ Hoà Sơn được thành lập năm 1876 do các linh mục người Pháp dòng Thừa sai xây dựng, gồm hai xứ đạo, 6 nhà thờ, hai nhà nguyện.

Trước năm 1904, nhà nguyện giáo họ Tùng Sơn (nhà thờ cổ Tùng Sơn) được xây dựng theo kiểu kiến trúc Pháp tại thôn Tùng Sơn, xã Hoà Sơn, huyện Hoà Vang. Đây là nhà thờ nằm trong hệ thống Giáo xứ Hoà Sơn được xây dựng thời thuộc Pháp, là nhà thờ cổ kính nhất còn sót lại ở Đà Nẵng vẫn giữ gần như nguyên vẹn kiến trúc ban đầu và nét đẹp cổ điển hiếm có.



Hình 2.7. Nhà nguyện giáo họ Tung Sơn (nhà thờ cổ Tung Sơn), xã Hoà Sơn, huyện Hoà Vang

Đến năm 1923, nhà thờ Chính Toà mới được xây dựng bên đường Bảo Tàng (Avenue de Musée) nay là đường Trần Phú. Đây là nhà thờ được xây dựng trong không gian đô thị, là thánh đường duy nhất tại Đà Nẵng được xây dựng thời Pháp thuộc. Nhà thờ có nhiều tên gọi: nhà thờ Tourane (thời Pháp thuộc), nhà thờ Con Gà (do trên cây thánh giá ở nóc nhà thờ có hình ảnh con Gà trống), đến năm 1963, giáo xứ chính thức gọi là nhà thờ giáo xứ Chính Toà Đà Nẵng.

Sau Hiệp định Genève năm 1954, đồng bào Công giáo di cư từ miền Bắc có đến 30.000 người đến định cư ở Quảng Nam, Đà Nẵng. Phần lớn giáo dân này sống tập trung dọc theo bờ biển từ vùng giáp Hà Khê đến cồn Ái và Nại Hiên Đông. Giáo dân tập trung sinh hoạt tôn giáo chủ yếu quanh các nhà thờ Tam Toà, Nội Hà, Thanh Bồ, Đa Phước, Nhượng Nghĩa.



Hình 2.8. Nhà thờ Con Gà, Số 156, đường Trần Phú, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu

Công giáo đã góp phần làm cho đời sống văn hoá, đời sống tâm linh của một bộ phận người dân Đà Nẵng đa dạng và phong phú. Từ đây, một số thành tựu nền văn minh phương Tây đã được chuyển tải vào Việt Nam, trong đó nổi bật là sự tạo thành chữ viết theo mẫu tự La tinh của tiếng Việt, bắt nguồn từ dinh trấn Thanh Chiêm, Quảng Nam, sau này được hoàn thiện thành chữ “quốc ngữ”. Đây là công lao đóng góp đáng kể của các giáo sĩ Dòng Tên gắn với tên tuổi của Francisco de Pina và Alexandre de Rhodes. Chữ quốc ngữ đã nhanh chóng chiếm địa vị quan trọng trong nền văn hoá dân tộc và chính thức trở thành chữ viết của Việt Nam. Giáo phận Đà Nẵng hiện nay gồm địa giới thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam.

3) Đạo Tin Lành

Đạo Tin Lành ra đời ở châu Âu vào thế kỉ XVI. Đạo Tin Lành đến Việt Nam trước tiên ở thành phố Đà Nẵng vào năm 1911 – mốc đánh dấu sự truyền bá đạo Tin Lành vào Việt Nam với vai trò của Hội Truyền giáo C.M.A. Năm 1912, người Việt Nam ở thế kỉ XX theo Tin Lành là ông Nguyễn Văn Phúc, một trong những người bán sách Tin Lành và đặt được cơ sở ở Đà Nẵng, làm cho những người lãnh đạo C.M.A có thêm động lực. Tiếp đó, một số mục sư người Mỹ đến Đà Nẵng mua một sớ đất lớn (nay là số 190 đường Ông Ích Khiêm) rồi xây dựng một nhà thờ Tin Lành ban đầu bằng gỗ, lợp lá vào năm 1913. Đây được coi như Hội thánh tự trị Tin Lành đầu tiên của Hội thánh Tin Lành Việt Nam và cả Đông Dương. Cho đến nay, Hội thánh Tin Lành Đà Nẵng là một hội thánh lớn trong Tổng liên Hội thánh Tin Lành Việt Nam.

Đạo Tin Lành quan tâm đến các vấn đề của cuộc sống hằng ngày như khuyên dạy con người sống văn minh, từ bỏ những hủ tục (trong ma chay, cưới xin, cúng bái,...), quy định những điều cấm kị như không quan hệ nam nữ bất chính, không có vợ bé, không cờ bạc rượu chè, ma tuý, đánh chửi nhau,...



Hình 2.9. Nhà thờ Tin Lành, Hội thánh Tin Lành đầu tiên ở Việt Nam, số 190 Ông Ích Khiêm, phường Tân Chính, quận Thanh Khê

4) Đạo Cao Đài

Công Đạo Cao Đài (Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ) ra đời vào năm 1926 tại ấp Long Trung, xã Long Thành, huyện Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh. Người có công lớn trong việc sáng lập đạo Cao Đài là ông Ngô Văn Chiêu. Đạo Cao Đài có nhiều hệ phái. Tại Đà Nẵng, có hai hệ phái: hệ phái Cao Đài truyền giáo và hệ phái Cao Đài Tây Ninh.

– Hệ phái Cao Đài truyền giáo:

Năm 1934, ông Trần Công Ban cùng nhóm Tứ linh đồng tử (Thanh Long, Bạch Hổ, Kim Quy, Xích Long) ra miền Trung truyền đạo. Mỗi đạo miền Trung nhóm tại làng Bất Nhị (thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam), sau đó mới lan ra Đà Nẵng, rồi truyền vào Quảng Ngãi, Phú Yên, Bình Định,... Tại Đà Nẵng, nhờ đức tin mạnh mẽ, những người truyền đạo đã cố gắng vượt qua trở ngại ban đầu, đến năm 1938, Thánh thất Cao Đài Trung Việt đặt cơ sở đầu tiên ở Đà Nẵng, nay ở đường Lê Đình Dương. Năm 1956, một nhóm Tứ linh đồng tử cùng với các tín đồ xây dựng Trung Hưng bửu toà và thành lập Trung ương Hội thánh truyền giáo Cao Đài, trụ sở ở số 63 đường Hải Phòng. Hội thánh truyền giáo Cao Đài ở Đà Nẵng được xây dựng mô phỏng theo mô hình kiến trúc Toà Thánh Tây Ninh với kích thước nhỏ gọn hơn.

Với đường hướng “Nước vinh đạo sáng”, theo chân truyền đạo pháp, coi trọng giá trị đạo đức con người, Hội thánh truyền giáo Cao Đài đã có đóng góp tích cực cho sự phát triển của đạo pháp và xã hội.

– Hệ phái Cao Đài Tây Ninh:

Năm 1956, Hệ phái Cao Đài Tây Ninh được Phổ tế Nguyễn Đăng Thông truyền ra Đà Nẵng. Năm 1957, xây dựng Thánh thất Hoà Phong tại xã Hoà Phong, huyện Hoà Vang.

Hoạt động của hai hệ phái nói trên ở Đà Nẵng đã có những đóng góp tích cực cho sự phát triển của tín ngưỡng và tôn giáo tại địa phương. Từ khi đạo Cao Đài được truyền bá ở Đà Nẵng đến nay, tôn giáo này đã luôn chú ý tu bổ, tôn tạo và xây dựng những công trình kiến trúc thờ tự có tính mỹ thuật cao, tạo hình ảnh đẹp trong đời sống hoạt động văn hoá tâm linh của người dân thành phố Đà Nẵng.



Hình 2.10. Hội thánh truyền giáo Cao Đài, số 63, đường Hải Phòng

5) Các tôn giáo khác

Tại thành phố Đà Nẵng hiện nay, ngoài hoạt động nổi bật của các tôn giáo kể trên, còn có Hội Truyền giáo cơ đốc Việt Nam, Giáo hội Cơ đốc phục lâm Việt Nam, Hội thánh Báp-tít Việt Nam (Nam Phương), Cộng đồng tôn giáo Baha'i, Giáo hội Phật đường Nam Tông Minh Sư đạo,... Đây là các loại hình tôn giáo trong đời sống văn hoá tâm linh của người dân với những hình thức sinh hoạt phong phú, đa dạng.



Nêu những nét chính về các tôn giáo ở Đà Nẵng.



LUYỆN TẬP

Hãy giới thiệu một sinh hoạt tín ngưỡng hoặc tôn giáo tại nơi em ở.



VẬN DỤNG

Hãy trình bày trước lớp về một vẻ đẹp của tín ngưỡng hoặc tôn giáo ở Đà Nẵng.

Mục tiêu:

- Trình bày được những giá trị văn hoá truyền thống của thành phố Đà Nẵng;
- Phân tích được những biểu hiện giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp tại địa phương.

**MỞ ĐẦU**

Giá trị văn hoá truyền thống là những điều tốt đẹp được hình thành và định hình trong lịch sử, mang ý nghĩa tích cực và tạo nên bản sắc của từng dân tộc, vùng miền.

Giá trị văn hoá truyền thống được bảo vệ, duy trì, phát triển và truyền lại cho các thế hệ sau.

Giá trị văn hoá truyền thống được xem là chuẩn mực đạo đức, hành vi ứng xử của con người trong một cộng đồng nhất định.

Giá trị văn hoá truyền thống được thể hiện rõ nét trong những di sản văn hoá của thành phố như: Di tích quốc gia đặc biệt có: Thành Điện Hải, Danh thắng Ngũ Hành Sơn; Di tích cấp quốc gia có: đình Tuý Loan, Hải Vân Quan, nghĩa trủng Hoà Vang, đình Hải Châu,... Di sản văn hoá phi vật thể nằm trong Di sản tư liệu thuộc chương trình Ký ức thế giới khu vực châu Á – Thái Bình Dương có Ma nhai Ngũ Hành Sơn; nằm trong Danh mục Di sản văn hoá phi vật thể quốc gia có: Lễ hội Quán Thế Âm Ngũ Hành Sơn, Lễ hội Cầu ngư tại thành phố Đà Nẵng, Nghệ thuật Bài chòi ở thành phố Đà Nẵng, Nghề làm nước mắm Nam Ô, Nghề điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước, Nghệ thuật Tuồng xứ Quảng. Trong đó, Nghệ thuật Bài chòi tại thành phố Đà Nẵng là thành phần của di sản Bài chòi Trung bộ Việt Nam được công nhận Di sản phi vật thể đại diện nhân loại. Bên cạnh đó, nhiều di tích lịch sử, văn hoá cấp thành phố đã được công nhận, đi vào tiềm thức, trở thành một phần của văn hoá tinh thần người Đà Nẵng. Một số địa bàn ở Đà Nẵng có mật độ di sản lớn như cụm di tích lịch sử Nam Ô bao gồm: Đình Nam Ô, Lăng Ông, Dinh Âm Linh,

Nghĩa trũng Nam Ô, Miếu bà Liễu Hạnh, Miếu bà Bô Bô, Giếng Lãng,... Di sản văn hoá của Đà Nẵng hội tụ các dấu ấn về tiến trình lịch sử phát triển của một vùng đất.



Hình 3.1. Di tích quốc gia đặc biệt – danh thắng Ngũ Hành Sơn, quận Ngũ Hành Sơn



Hình 3.2. Di tích quốc gia đặc biệt – Thành Điện Hải, quận Hải Châu



Hãy tìm hiểu về những di sản văn hoá tại địa phương nơi em ở.



KIẾN THỨC MỚI

1. Giá trị văn hoá truyền thống trong di sản văn hoá

Ở Đà Nẵng, giá trị truyền thống được thể hiện qua việc bảo tồn, phát huy các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể (các di sản kiến trúc, mỹ thuật, phong tục tập quán, lễ hội, nghệ thuật dân gian,...).

Giá trị truyền thống đó được lưu truyền qua nhiều thế hệ và mang đặc trưng của cộng đồng dân cư thành phố Đà Nẵng.

Giá trị truyền thống đó được bảo tồn qua lễ hội và cuộc sống, giúp các thế hệ trước hướng dẫn thế hệ sau tiếp nối các nghi lễ, nghi thức,... nhằm thể hiện lòng tri ân tiên nhân, Uống nước nhớ nguồn, đoàn kết xây dựng quê hương giàu đẹp.

Những năm gần đây, chính quyền Đà Nẵng đã có nhiều giải pháp để phát huy giá trị truyền thống đối với di sản văn hoá như: đầu tư tôn tạo các di tích; bảo tồn các di sản văn hoá phi vật thể; tạo điều kiện cho các quận, huyện phát huy lễ hội của địa phương (về nghề làm bánh tráng, làm mì Quảng, hội hát Hò khoan, Bài chòi,...) nhằm tạo nên sức hấp dẫn đối với người dân và du khách, góp phần phát triển kinh tế – xã hội của thành phố.



Hình 3.3. Tượng Mẹ Dững sĩ Thanh Khê (của điêu khắc gia Phạm Văn Hạng), phường Thanh Khê Đông, quận Thanh Khê

2. Giá trị văn hoá truyền thống trong đời sống xã hội

Giá trị văn hoá truyền thống của Đà Nẵng được thể hiện rõ nét ngay trong lối sống mà người Đà Nẵng thể hiện hằng ngày.

Trong mỗi gia đình, đó là đạo lí Uống nước nhớ nguồn, kính trên nhường dưới, thờ cúng tổ tiên,...

Ở ngoài cộng đồng, đó là sự thân thiện, hiếu khách, hợp tác, giúp đỡ nhau. Cách hành xử nhân văn đó thể hiện những giá trị văn hoá được tích lũy, hình thành trong nhiều năm, tạo nên một Đà Nẵng thân thiện, chân thành, bình dị.

Trong phạm vi xã hội, thành phố Đà Nẵng khang trang, xanh – sạch – đẹp được thể hiện qua từng con phố, tuyến đường mà ở đó có sự tự giác, chung tay của mỗi người dân trong việc giữ gìn vệ sinh hè phố, đoạn đường trước nhà mình cũng như trong cả khu phố,...

Giá trị văn hoá truyền thống ở thành phố Đà Nẵng còn được thể hiện trong các giải pháp chỉnh trang, xây dựng thành phố phù hợp với thời đại mà không đánh mất đi bản sắc riêng.



Giá trị văn hoá truyền thống tại nơi em ở được thể hiện như thế nào? Điều này tác động đến suy nghĩ, việc làm cụ thể của em ra sao?



Hãy thảo luận về những nội dung sau:

- Những giá trị văn hoá truyền thống được thể hiện như thế nào qua Di tích quốc gia đặc biệt Thành Điện Hải?
- Hãy nêu những biểu hiện ứng xử chưa phù hợp với giá trị văn hoá truyền thống của một số người Đà Nẵng.
- Theo em, cần làm những gì để bảo tồn giá trị văn hoá truyền thống trong sự phát triển nhanh về kinh tế – xã hội của thành phố Đà Nẵng hiện nay?

Em có biết?

Cùng với xu thế phát triển không ngừng, nhiều giá trị truyền thống dần bị mai một hoặc biến chuyển trong cộng đồng. Trước thực trạng này, Đà Nẵng đã có những kế hoạch nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các ngành, các cấp và các tầng lớp nhân dân trong việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng hệ giá trị văn hoá và chuẩn mực con người Việt Nam thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá; về những giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Trong đó, tập trung ở một số nội dung chính:

– Tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng.

– Phổ biến các giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp gắn với quảng bá, phát triển du lịch Đà Nẵng.

– Nâng cao mức hưởng thụ văn hoá và phát huy vai trò làm chủ của người dân, đặc biệt là của thế hệ trẻ trong xây dựng đời sống văn hoá.

– Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong xây dựng các phim, ảnh, sách, báo về văn hoá nghệ thuật phục vụ người dân thành phố.



VẬN DỤNG

1. Nơi em ở có các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể nào? Hãy nêu ý tưởng về việc quảng bá, phát huy những giá trị di sản này trong cộng đồng.

Gợi ý:

- Nêu tên các di sản tại nơi em ở (phường, quận, huyện).
- Nêu ý tưởng: Xác định các giá trị của di sản; nêu một số cách thức thu hút du khách đến thăm viếng, thưởng ngoạn; chính quyền và người dân cần làm gì để phát huy giá trị di tích,...

2. Hãy lập dự án nhằm truyền thông những giá trị văn hoá truyền thống theo một số gợi ý sau:

- Về phạm vi: gia đình; cộng đồng khu dân cư; quận/huyện; thành phố.
- Đối tượng: di sản văn hoá, lối sống,...
- Sản phẩm truyền thông: bài viết (đăng trên mạng xã hội, tạp chí, trang thông tin điện tử,...), ảnh phóng sự, video clip,...



Hình 3.4. Hoạt động vui chơi ở bãi biển Mỹ Khê, quận Sơn Trà



Hình 3.5. Khu vườn tượng bên sông Hàn

Mục tiêu:

- Trình bày được về ngành nghề và những ngành nghề phổ biến ở thành phố Đà Nẵng;
- Vận dụng được kiến thức để tìm hiểu về các nghề phổ biến, đề xuất các giải pháp phát triển một số nghề truyền thống ở thành phố Đà Nẵng;
- Nêu được định hướng của chính quyền thành phố về phát triển ngành nghề ở Đà Nẵng.

**MỞ ĐẦU**

Hệ thống nghề nghiệp trong xã hội có số lượng nghề và chuyên môn khá phong phú, đa dạng. Một số nghề chỉ thấy ở nước này mà không thấy ở nước khác, có ở địa phương này nhưng không có ở địa phương kia.

Sự phát triển của khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghiệp 4.0, đã tạo sự biến động nhiều ngành nghề. Một số nghề cũ đã không còn nữa; một số nghề có sự thay đổi lớn về đặc trưng và cách thức thực hiện; một số nghề mới hình thành và có xu hướng phát triển.

**KIẾN THỨC MỚI****1. Ngành nghề và đặc trưng của ngành nghề**

Ngành nghề là từ chỉ chung về nghề nghiệp, lĩnh vực chuyên môn nào đó.

a) Ngành là tập hợp của các nghề có đối tượng nghề nghiệp và các yêu cầu đối với người lao động tương đối giống nhau và có chung mục đích hoạt động.

b) Nghề là tập hợp của các công việc cụ thể người lao động phải làm, hay còn gọi là chuyên môn, có đối tượng nghề nghiệp, có yêu cầu với người lao động, có mục đích hoạt động giống nhau nhưng có thể khác nhau ở công việc cụ thể hàng ngày.

c) Quá trình nghiên cứu về ngành sẽ cung cấp cho người học sự tích lũy kiến thức cần thiết để phục vụ cho nghề.

Kiến thức tổng hợp từ một ngành có thể giúp cho người học nhiều cơ hội để chọn những nghề khác nhau và thực hiện tốt một nghề; người học có thể tích lũy kiến thức từ nhiều ngành, gọi là kiến thức liên ngành.

Một số nghề có tính chất đặc trưng công việc sẽ tạo ra nhiều cơ hội tiếp cận cho người học đến từ những ngành khác nhau.

2. Một số ngành nghề phổ biến ở thành phố Đà Nẵng

a) Ngành du lịch, quản trị khách sạn

Số lượng lao động trong lĩnh vực dịch vụ du lịch của thành phố Đà Nẵng tăng từ 15 197 lao động năm 2014 lên 49 143 lao động năm 2019, tăng 3,23 lần. Tính đến tháng 11/2019, trên địa bàn thành phố có 943 cơ sở lưu trú du lịch với 40 074 phòng, 376 đơn vị kinh doanh lữ hành, 4 646 hướng dẫn viên. Về hệ thống cơ sở vật chất, báo cáo năm 2020, Đà Nẵng có 85



Hình 4.1. Nghề hướng dẫn viên du lịch

dự án du lịch đã và đang triển khai đầu tư với 7,2 tỉ USD với nhiều dự án ven biển đẳng cấp quốc tế. Đà Nẵng được kết nối ngày càng nhiều với các tỉnh, thành trong và ngoài nước thông qua việc xúc tiến đường bay hiệu quả, với 31 đường bay quốc tế, tần suất 480 chuyến/ tuần và 9 đường bay nội địa tần suất 670 chuyến/ tuần.

Công việc bao gồm: hướng dẫn viên du lịch, điều hành du lịch, nghiên cứu thị trường, xây dựng các sản phẩm (chương trình du lịch, sự kiện,...); quản lý doanh nghiệp lữ hành; quản lý, lễ tân, nhân viên khách sạn, khu nghỉ dưỡng; giảng dạy, nghiên cứu về lĩnh vực du lịch, khách sạn,...

b) Ngành tiếp thị (marketing)

Trong xu thế phát triển của công nghệ thông tin và hoạt động của các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là các doanh nghiệp ở thành phố Đà Nẵng hiện nay, nhu cầu tiếp thị (marketing) là cấp thiết. Điều đó dẫn đến sự hình thành ngành tiếp thị đối với tất cả các doanh nghiệp.

Tính đến tháng 12/2020, trên địa bàn thành phố có hơn 29 100 doanh nghiệp với hơn 500 000 lao động, trong đó đa phần là các doanh nghiệp trẻ, nhà khởi

nghiệp, kinh nghiệm từ 0 – 5 năm chiếm tỉ lệ cao. Quá trình tiếp thị sản phẩm hay quảng cáo chuyên nghiệp sẽ giúp mỗi doanh nghiệp dễ dàng cạnh tranh hơn.

Công việc bao gồm: chiến lược marketing; nghiên cứu chiến thuật, tìm kiếm thông tin trên web; tiếp thị xã hội; định hướng, tạo, dẫn dắt dư luận trong tiếp thị; xây dựng và duy trì, phát triển trang mạng; tiếp thị qua thư điện tử và điện thoại,...

c) Ngành quản trị kinh doanh

Đà Nẵng là một trong những thành phố có số lượng doanh nghiệp nhiều, đa dạng, đến từ nhiều lĩnh vực như dịch vụ, nông nghiệp và thủy hải sản, công nghệ hỗ trợ (logistics), công nghiệp – xây dựng. Nhu cầu quản trị hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng có xu hướng phát triển.

Công việc bao gồm: quản trị kinh doanh tổng hợp (lập kế hoạch, kiểm soát, quản lý tổ chức để thực hiện mục tiêu kinh doanh theo các sách lược, chiến lược,...); quản trị doanh nghiệp (phụ trách các công việc hành chính nhân sự; kinh doanh; marketing hay xây dựng chiến lược, phát triển thị trường và tìm kiếm đối tác,...); quản trị khởi nghiệp (CEO quản trị, giám đốc điều hành doanh nghiệp, tự khởi nghiệp, chuyên gia đàm phán thương mại, chuyên gia xây dựng kế hoạch kinh doanh, chiến lược kinh doanh,...); quản trị logistics (làm các công tác dịch vụ logistics tại các doanh nghiệp dịch vụ vận tải; làm kế hoạch, khai thác thị trường, marketing, dịch vụ khách hàng, cung ứng vật tư; quản lý kho vận, hệ thống xuất nhập khẩu, giao nhận vận tải,...).

d) Ngành công nghệ thông tin

Công nghệ thông tin được coi trọng tại thành phố Đà Nẵng. Ngành công nghệ thông tin tăng từ 18 880 lao động năm 2014 lên 35 050 lao động năm 2019 (tăng 1,86 lần).

Công việc bao gồm: kỹ sư xây dựng, phát triển các ứng dụng về lĩnh vực truyền thông xã hội và công nghệ web; kỹ sư thiết kế, xây dựng và quản lý các dự án nghiên cứu và ứng dụng công nghệ thông tin; kỹ sư quản lý ứng dụng về GIS (hệ thống thông tin địa lý) trên thiết bị di động và trao đổi dữ liệu với máy chủ; kỹ sư khai thác dữ liệu và thông tin ứng dụng cho các doanh nghiệp về phân tích định lượng, nâng cao hiệu suất kinh doanh; kỹ sư vận hành, giám sát, quản lý; phân tích và phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin tại các công ty, doanh nghiệp,...



Hình 4.2. Nghề Logistics (Vinconship Đà Nẵng)

e) Ngành quy hoạch đô thị và kiến trúc dân dụng

Về cơ cấu trong quy mô nền kinh tế của thành phố Đà Nẵng trong năm 2021, khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 20,72%, cùng với các chiến lược về quy hoạch tổng thể phát triển thành phố đến năm 2045 đã tạo ra nhiều cơ hội ngành nghề trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng như kiến tạo cảnh quan môi trường, địa chính, công trình dân dụng nông thôn, đô thị học, kinh tế xây dựng, kiến trúc, quản lí thị trường bất động sản,... trong đó, ngành quy hoạch đô thị và kiến trúc dân dụng có xu hướng ngày càng phát triển.

Công việc bao gồm: quản lí, sử dụng và khai thác đô thị, quản lí dự án xây dựng và quản lí phát triển đô thị mới nhằm giảm bớt những thất thoát trong công tác đầu tư quy hoạch không đúng mục đích; khai thác, sử dụng đô thị và quản lí đô thị tốt hơn.

Bên cạnh đó, nhiều ngành khác vẫn thu hút một lực lượng lao động nhất định như: dịch vụ công, điện cơ khí. Một số nghề truyền thống vẫn được quan tâm bảo tồn nhưng không phải là ngành nghề phổ biến của thành phố Đà Nẵng.



Giới thiệu về một số nghề truyền thống đang được bảo tồn tại thành phố Đà Nẵng.

3. Các yếu tố tác động, ảnh hưởng đến phát triển ngành nghề phổ biến ở thành phố Đà Nẵng

a) Vị trí địa lí

Thành phố Đà Nẵng nằm ở vị trí trung độ của Việt Nam, có vị trí trọng yếu cả về kinh tế – xã hội và quốc phòng – an ninh. Đà Nẵng là đầu mối giao thông quan trọng về đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không.

b) Thị trường lao động

Đà Nẵng là một trong các trung tâm kinh tế của khu vực miền Trung – Tây Nguyên, tập trung nhiều công ty lớn của các ngành dệt may, sản xuất hàng tiêu dùng, công nghiệp chế biến, công nghiệp cơ khí, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng,...

Cung – cầu trong lao động tại Đà Nẵng hiện nay chưa cân đối. Tuy nguồn cung lao động được đào tạo khá tốt đến từ hệ thống các trường đại học, cao đẳng, trường dạy nghề có uy tín nhưng việc đào tạo chưa theo kịp với nhu cầu xã hội.

Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã tạo thêm nhiều việc làm nên người lao động có xu hướng dịch chuyển ra thành thị để tìm kiếm việc làm. Tỷ lệ thất nghiệp vẫn còn cao.

4. Định hướng

Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XXII của Đảng bộ thành phố Đà Nẵng đã xác định:

- Đổi mới mô hình tăng trưởng, thực hiện căn bản việc chuyển đổi các ngành, lĩnh vực có giá trị gia tăng thấp sang những ngành, lĩnh vực có giá trị cao;
- Điều chỉnh và duy trì cơ cấu kinh tế phù hợp nhất; đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng khu vực công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp công nghệ cao và công nghệ thông tin được định hướng là một trong 3 trụ cột của nền kinh tế Đà Nẵng;
- Duy trì khu vực dịch vụ tăng trưởng ở mức cao với 2 lĩnh vực mũi nhọn là du lịch và dịch vụ chất lượng cao gắn với bất động sản nghỉ dưỡng; cảng biển, hàng không gắn với dịch vụ logistics;
- Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao giá trị, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững.



LUYỆN TẬP

Hãy trao đổi, thảo luận và thuyết trình về những nội dung sau:

1. Dẫn chứng về một ngành có thể tạo ra nhiều nghề phổ biến ở thành phố Đà Nẵng.
2. Dẫn chứng về một số nghề phổ biến ở thành phố Đà Nẵng yêu cầu cần có kiến thức đào tạo liên ngành.
3. Ngành du lịch của thành phố Đà Nẵng hiện nay có những khó khăn gì? Hãy đề xuất các giải pháp để ngành du lịch của thành phố phát triển mạnh mẽ hơn.



VẬN DỤNG

1. Em hãy tìm hiểu và viết bài giới thiệu về hoạt động của các sàn giao dịch việc làm định kì ở thành phố Đà Nẵng hoặc tìm hiểu và viết bài giới thiệu về chương trình đào tạo một nghề phổ biến ở thành phố Đà Nẵng.



Hình 4.3. Một sàn giao dịch việc làm định kì tổ chức tại Đà Nẵng



Hình 4.4. Dạy nghề ẩm thực tại Trường Netspace Đà Nẵng

2. Em hãy chọn một nghề mà mình mong muốn làm tại thành phố Đà Nẵng, xây dựng kế hoạch phân đầu của bản thân để có thể thực hiện nghề đó thành công trong tương lai.
3. Thảo luận nhóm, thuyết trình một tiểu dự án quảng bá thương hiệu một trong các nghề truyền thống sau của thành phố Đà Nẵng:

a) Nghề làm chiếu Cẩm Nê



Hình 4.5.

b) Nghề làm nước mắm Nam Ô



Hình 4.6.

c) Nghề điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước



Hình 4.7.

d) Nghề làm bánh tráng Túy Loan



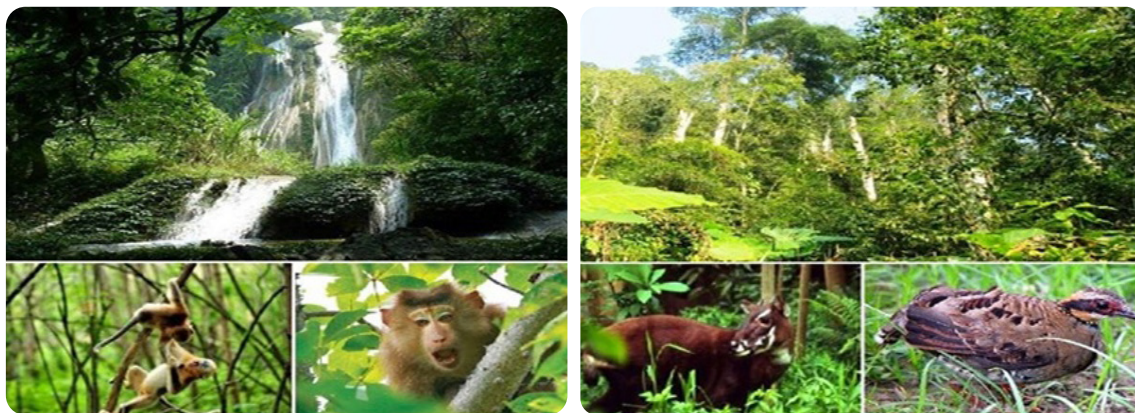
Hình 4.8.

Mục tiêu:

- Hiểu được khái niệm về đa dạng sinh học và bảo tồn đa dạng sinh học; nêu được hiện trạng đa dạng sinh học ở thành phố Đà Nẵng;
- Nêu được giá trị đa dạng sinh học và các giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học ở thành phố Đà Nẵng.

**MỞ ĐẦU**

Thành phố Đà Nẵng là nơi giao thoa của các tiểu vùng khí hậu, có đặc thù đa dạng về địa hình nên mức độ đa dạng sinh học ở đây rất cao; Đà Nẵng được xem là một trong những thành phố hiếm có về đa dạng sinh học, hội tụ đa dạng sinh thái rừng – biển – sông. Đa dạng sinh học ở thành phố Đà Nẵng có ý nghĩa rất lớn đối với sự phát triển của các ngành như: nông, ngư nghiệp, dược liệu, du lịch. Bên cạnh đó, đa dạng sinh học ở thành phố Đà Nẵng còn có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc giúp duy trì cân bằng hệ sinh thái, phòng tránh những tác động bất lợi của thiên nhiên do ảnh hưởng của sự biến đổi khí hậu toàn cầu. Để thúc đẩy phát triển bền vững thành phố trong tương lai, Đà Nẵng đã có những định hướng kịp thời nhằm kiểm soát, hạn chế tốc độ suy giảm đa dạng sinh học.



Hình 5.1. Đa dạng sinh học ở thành phố Đà Nẵng

Năm 2020, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đã phê duyệt Đề án "Bảo tồn đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" nhằm bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, đặc thù gồm các loài đặc hữu, các nguồn gen quý hiếm, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên sinh vật theo hướng bền vững phục vụ phát triển kinh tế – xã hội, bảo vệ môi trường.



Hình 5.2. Vọc chà và chân nâu ở bán đảo Sơn Trà



Hình 5.3. Nhóm tình nguyện Sasa bảo vệ thiên nhiên tại Vịnh Đà Nẵng



1. Thế nào là đa dạng sinh học?
2. Làm thế nào để bảo tồn đa dạng sinh học?



1. Khái niệm về đa dạng sinh học và các nguyên tắc bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học

a) Khái niệm về "đa dạng sinh học"

"Đa dạng sinh học là sự phong phú về gen, loài sinh vật và hệ sinh thái trong tự nhiên" (theo *Luật Đa dạng sinh học, năm 2018* của Việt Nam).

b) Nguyên tắc bảo tồn đa dạng sinh học

Bảo tồn là việc bảo vệ sự phong phú của các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, đặc thù hoặc đại diện; bảo vệ môi trường sống tự nhiên thường xuyên hoặc theo mùa của loài hoang dã, cảnh quan môi trường, nét đẹp độc đáo của tự nhiên; nuôi, trồng, chăm sóc loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; lưu giữ và bảo quản lâu dài các mẫu vật di truyền.

Việt Nam hiện đang áp dụng 05 nguyên tắc bảo tồn đa dạng sinh học sau:

Bảo tồn đa dạng sinh học là trách nhiệm của Nhà nước và mọi tổ chức, cá nhân

Kết hợp hài hoà giữa bảo tồn với khai thác, sử dụng hợp lý đa dạng sinh học; giữa bảo tồn, khai thác, sử dụng hợp lý đa dạng sinh học với việc xoá đói, giảm nghèo

Bảo tồn tại chỗ là chính, kết hợp bảo tồn tại chỗ với bảo tồn chuyển chỗ

Tổ chức, cá nhân hưởng lợi từ việc khai thác, sử dụng đa dạng sinh học phải chia sẻ lợi ích với các bên có liên quan bảo đảm hài hoà giữa lợi ích của Nhà nước với lợi ích của tổ chức, cá nhân

Bảo đảm quản lý rủi ro do sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen gây ra đối với đa dạng sinh học

2. Hiện trạng đa dạng sinh học rừng của thành phố Đà Nẵng

Tổng diện tích đất có rừng của thành phố Đà Nẵng tính đến năm 2020 gồm 66 337,24 ha, trong đó chủ yếu là rừng tự nhiên với 43 191,84 ha (gồm rừng gỗ giàu, rừng gỗ nghèo, rừng gỗ trung bình, rừng gỗ nghèo kiệt và rừng gỗ non phục hồi); rừng trồng chiếm 20 083,27 ha. Tổng diện tích đất chưa có rừng quy hoạch phát triển rừng là 3 062,13 ha.



Hình 5.4. Cây đa cổ thụ ở bán đảo Sơn Trà

Trong giai đoạn 2016 – 2020, diện tích rừng được duy trì quản lý, bảo vệ và phát triển đạt kết quả cao. Rừng tự nhiên không bị chặt phá, không bị khai thác trái phép, được khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên phát triển tốt. Rừng trồng kinh tế được các chủ rừng khai thác, chăm sóc phát triển tốt góp phần ổn định và tăng tỉ lệ che phủ rừng thành phố từ 43,6% (năm 2016) lên 47,20% (năm 2020).

a) Đa dạng thực vật rừng:

Rừng tự nhiên ở thành phố Đà Nẵng thuộc kiểu rừng kín, trong đó rừng kín thường xanh, mưa mùa nhiệt đới chiếm phần lớn diện tích với trạng thái rừng chủ yếu thuộc loại IIB, hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại. Rừng trồng là các loại cây được trồng ở vùng đồi, ven sườn núi với các loại cây như bạch đàn, thông, keo,... Hệ thực vật là sự giao lưu giữa hai luồng thực vật từ phía nam (tiêu biểu là các loài thuộc họ Dầu) và từ phía bắc (tiêu biểu là những loài thuộc họ: Đậu, Dẻ, Re, Xoan, Trâm, Thầu dầu,...), trong đó có một số loài thuộc Sách đỏ Việt Nam (2007), Sách đỏ IUCN (2018) và Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo Nghị định 64/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Thực vật rừng ở Đà Nẵng hiện nay có mức độ đa dạng loài rất cao. Những họ có số loài nhiều nhất là họ Đậu, họ Thầu dầu, họ Cà phê, họ Dâu tằm, họ cỏ Roi ngựa, họ Na, họ Cam quýt, họ Dẻ,... Những họ có số cá thể nhiều nhất trong tổ thành rừng là các họ: Dâu tằm, Dầu, Dẻ, Thầu dầu, Cau dừa.

b) Đa dạng động vật rừng:

Hệ động vật rừng ở Đà Nẵng là sự giao thoa, hài hoà giữa các loài thuộc hệ động vật Bắc Trường Sơn (Tê tê, gà Tiền, Khỉ vàng,...) và mang tính đặc trưng của hệ động vật Nam Trường Sơn (Khỉ đuôi dài, Chồn dơi, Sóc vàng, Trĩ sao, Gà lôi,...).

Hệ động vật ở Đà Nẵng

TT	Lớp	Bộ			Họ			Loài		
		Hải Vân	Sơn Trà	Bà Nà	Hải Vân	Sơn Trà	Bà Nà	Hải Vân	Sơn Trà	Bà Nà
1	Thú	9	8	8	23	18	26	55	36	61
2	Chim	14	15	16	37	34	46	150	106	178
3	Bò sát	2	2	2	4	12	8	9	23	17
	Tổng số	25	25	26	64	64	80	214	165	256

Nguồn: Quyết định số 3410/QĐ-UBND ngày 14/9/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng

c) Thực vật, động vật quý hiếm:

Trên địa bàn thành phố có hơn 100 loài thực vật quý hiếm cần thiết phải quan tâm bảo tồn, trong đó khu Bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà có 74 loài, khu Bảo tồn thiên nhiên Bà Nà – Núi Chúa có 42 loài. Một số loài gỗ bản địa như: dầu, chò, dẻ, sao đen,... đã được gây trồng thành công. Đối với hệ động vật rừng, nhiều loài từng được ghi nhận ở Đà Nẵng như hổ (*Pathera tigris*), gấu ngựa (*Ursus thibetanus*), gà lôi belí (*Lophura nycthemera belí*), rùa trung bộ (*Mauremys annamensis*) không còn được ghi nhận trong khoảng 20 năm qua.



Hãy trình bày những giá trị của đa dạng sinh học đối với các lĩnh vực nông nghiệp, du lịch, giáo dục, khoa học,...

3. Giá trị của đa dạng sinh học đối với sự phát triển thành phố Đà Nẵng

Những giá trị của đa dạng sinh học thường được xác định theo 2 phương diện:

– Giá trị trực tiếp là những sản phẩm được con người sử dụng trong sinh hoạt, sản xuất hoặc thương mại.

– Giá trị gián tiếp là những lợi ích như độ phì của đất, du lịch, giáo dục, nghiên cứu khoa học, điều hoà khí hậu,...



Hình 5.5. Đà Nẵng phát triển du lịch sinh thái

Các giá trị, vai trò chủ yếu

của đa dạng sinh học mang lại cho thành phố Đà Nẵng được thể hiện như sau:

Giá trị	Vai trò	Điều kiện hình thành
Kho lưu trữ nguồn gen, trong đó có nguồn gen chống chịu của các loài sinh vật.	– Phát triển các ngành nông nghiệp và ngư nghiệp, đặc biệt là giai đoạn ứng phó với Biến đổi khí hậu. – Cơ sở cho phát triển lĩnh vực Công nghệ sinh học nông nghiệp.	– Độ đa dạng sinh học cao. – Vùng khí hậu khắc nghiệt.

Giá trị	Vai trò	Điều kiện hình thành
Nguồn cung cấp các sản phẩm dược liệu có giá trị cao.	Cơ sở phát triển nghiên cứu khoa học và ứng dụng trong lĩnh vực dược phẩm.	Rừng tự nhiên chiếm diện tích lớn.
Lợi thế rất lớn trong hợp tác nghiên cứu khoa học về đa dạng sinh học với nhiều nước trên thế giới.	– Làm giàu thêm kiến thức khoa học cho nhân loại. – Góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội của thành phố và khu vực miền Trung – Tây Nguyên.	– Độ đa dạng sinh học cao. – Có nhiều trung tâm, viện nghiên cứu và trường đại học trên địa bàn thành phố.
Lợi thế rất lớn trong phát triển ngành kinh tế tiềm năng của thành phố (du lịch – dịch vụ).	– Phát triển du lịch sinh thái, tham quan nghỉ dưỡng. – Nâng cao mức sống cho cộng đồng thành phố. – Duy trì nguồn lợi thủy sản cho ngư dân của thành phố.	– Lợi thế tự nhiên từ đa dạng sinh học cao. – Định hướng xây dựng "Thành phố môi trường – Thành phố sinh thái".
Điều hoà khí hậu và cân bằng sinh thái.	– Góp phần điều hoà khí hậu cho thành phố. – Duy trì sự cân bằng của các hệ sinh thái.	– Lợi thế tự nhiên từ đa dạng sinh học cao. – Thực hiện đề án "Bảo tồn đa dạng sinh học của thành phố".



Phân tích các yếu tố chủ quan tác động đến suy thoái đa dạng sinh học ở thành phố Đà Nẵng.

4. Các giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học ở Đà Nẵng

Bảo tồn đa dạng sinh học là một trong những mục tiêu cơ bản và nội dung quan trọng không thể tách rời trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội nhằm phát triển bền vững. Đề án “Bảo tồn đa dạng sinh học thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” ưu tiên một số giải pháp:

a) Bảo vệ và phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên đặc thù:

– Hệ sinh thái rừng tự nhiên quan trọng: tập trung bảo vệ và phát triển diện tích

43 722,1 ha hệ sinh thái tự nhiên; thành lập Vườn thực vật tại phân khu phục hồi sinh thái thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên Bà Nà – Núi Chúa với diện tích khoảng 50 ha để hình thành các bộ sưu tập theo chủ đề, vườn ươm nhân giống các loài cây quý hiếm bản địa; thành lập Vườn cây thuốc tại Khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà với diện tích khoảng 10 ha.

– Hệ sinh thái tự nhiên biển: tập trung bảo vệ các hệ sinh thái, các loài sinh vật biển thuộc phần diện tích mặt nước Vịnh Đà Nẵng (khoảng 10 979 ha) và các khu vực biển thuộc thành phố Đà Nẵng.

Bảng 2. Các hạng mục bảo tồn đa dạng sinh học xem xét đề xuất nâng hạng hoặc thành lập mới đến năm 2045

TT	Hạng mục hiện tại	Diện tích (ha)	Phân loại	Phân cấp quản lí	Phân kì quy hoạch	Các mức đề xuất nâng hạng	Ghi chú
1	Khu bảo tồn thiên nhiên Bà Nà – Núi Chúa	30 206,3 (*)	Trên cạn	Thành phố	2045	Vườn quốc gia	Quy hoạch chuyển tiếp
2	Khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà	3 871 (*)	Trên cạn	Thành phố	2030	Khu dự trữ thiên nhiên	Quy hoạch chuyển tiếp
3	Khu bảo vệ cảnh quan Nam Hải Vân	3 397,3 (*)	Trên cạn	Thành phố	2030	Khu dự trữ thiên nhiên	Quy hoạch chuyển tiếp
4	Khu vực vùng lõi của 03 khu bảo tồn hiện hữu và vùng biển thuộc Vịnh Đà Nẵng	31 404 (Ước tính)	Trên cạn	Thành phố	2045	Khu dự trữ sinh quyển	Thành lập mới

Ghi chú: (*): Quyết định số 45/2014/QĐ-TTg ngày 08/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

– Hệ sinh thái tự nhiên các vùng, khu đất ngập nước: bảo vệ các hệ sinh thái đất ngập nước, phát triển các giống, loài thủy sản quý hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học cao, đảm bảo cân bằng sinh thái, phục vụ mục đích du lịch, nghiên cứu, giáo dục, bảo vệ môi trường, điều hoà khí hậu, ứng phó, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu; tổ chức nghiên cứu, đánh giá khả năng thiết lập hai khu bảo vệ cảnh quan hồ Hoà Trung và khu bảo vệ cảnh quan Đồng Xanh – Đồng Nghệ.

Bảng 3. Các hạng mục nghiên cứu, xem xét khả năng thiết lập khu bảo vệ cảnh quan đất ngập nước

TT	Hạng mục hiện tại	Diện tích (ha)	Phân loại	Phân cấp quản lí	Phân kì quy hoạch	Các mức đề xuất nâng hạng	Ghi chú
1	Hồ Hoà Trung	1 599 (*)	Trên cạn và đất ngập nước	Thành phố	2030	- Khu bảo vệ cảnh quan đất ngập nước. - Khu bảo tồn loài/ sinh cảnh.	
2	Hồ Đồng Xanh - Đồng Nghệ	2 124 (*)	Trên cạn và đất ngập nước	Thành phố	2030	- Khu bảo vệ cảnh quan đất ngập nước. - Khu bảo tồn loài/ sinh cảnh.	

Ghi chú: (*): Diện tích ước tính.

b) Bảo tồn nguồn gen, giống các loài bản địa có giá trị cao; kiểm soát các tác động xấu đối với đa dạng sinh học và các loài ưu tiên bảo vệ:

Thực hiện kiểm soát, cập nhật định kì các loài ngoại lai cũng như sử dụng các biện pháp phù hợp để kiểm soát. Tăng cường trồng rừng bằng các giống bản địa, giống cây có chất lượng; các giống, loài được liệu. Nghiên cứu thành lập Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã tại phân khu hành chính dịch vụ của khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà. Đẩy mạnh công tác quản lí, phát hiện và ngăn chặn các hoạt động săn bắt, mua, bán, sản xuất, vận chuyển, sử dụng các loài thuộc Danh mục ưu tiên bảo vệ và sản phẩm của chúng; nâng cao nhận thức về tính cấp thiết bảo tồn đa dạng sinh học.

c) Bảo vệ hệ sinh thái đô thị, nông thôn:

Đảm bảo tỉ lệ đất cây xanh toàn đô thị đạt tiêu chuẩn theo quy hoạch chung; hình thành các vùng đệm cây xanh có quy mô đủ lớn để phân chia ranh giới khu công nghiệp và khu dân cư, đô thị mới và các khu vực xung quanh khác; nâng cấp các hồ trong đô thị, công viên cộng đồng...



Hãy cho biết vai trò của khu dự trữ thiên nhiên, vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên?



LUYỆN TẬP

Xây dựng kế hoạch truyền thông nâng cao nhận thức bảo tồn đa dạng sinh học cho cộng đồng dân cư nơi em sống.



Hình 5.6. Hình ảnh ra quân thực hiện Ngày Chủ nhật “Xanh – Sạch – Đẹp”
tại Âu thuyền Thọ Quang, quận Sơn Trà



VẬN DỤNG

1. Lựa chọn một điểm tham quan ở thành phố Đà Nẵng để tìm hiểu về đa dạng sinh học và viết cảm nhận theo gợi ý sau:
 - Sức hấp dẫn của loại hình du lịch sinh thái.
 - Tác động tích cực và tiêu cực đến đa dạng sinh học trong quá trình phát triển du lịch.
 - Đề xuất các biện pháp góp phần bảo tồn đa dạng sinh học khi phát triển du lịch.
2. Thực hiện hoạt động tuyên truyền về "Bảo tồn đa dạng sinh học của thành phố Đà Nẵng" nhân ngày Quốc tế đa dạng sinh học hằng năm (ngày 22 tháng 5) thông qua một trong các ứng dụng Zalo, Facebook, Instagram, Tiktok,...



BẢNG THUẬT NGỮ

STT	Thuật ngữ	Giải thích
1	Năng lực cạnh tranh (<i>CPI – Provincial Competitiveness Index</i>)	Là chỉ số được sử dụng trong hoạt động của nhà nước. Trong tính chất tiêu chí nhằm phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động của các tỉnh thành khác nhau.
2	Chỉ số cải cách hành chính (<i>PAR INDEX – Public Administration Reform Index</i>)	Là chỉ số cải cách hành chính, là công cụ quan trọng để theo dõi, đánh giá hoạt động cải cách hành chính được Bộ Nội vụ ban hành.
3	Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (<i>PAPI – The Viet Nam Provincial Governance and Public Administration Performance Index</i>)	Là công cụ theo dõi thực thi chính sách, phản ánh chân thực tiếng nói của người dân về mức độ hiệu quả điều hành, quản lý nhà nước, thực thi chính sách và cung ứng dịch vụ công của chính quyền các cấp.
4	Phát triển bền vững (<i>SD – Sustainable Development</i>)	Là phát triển đáp ứng được nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng các nhu cầu đó của các thế hệ tương lai trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường.
5	Tổng sản phẩm trên địa bàn (<i>GRDP – Gross Regional Domestic Product</i>)	Là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất thực hiện bởi các đơn vị sản xuất thường trú trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Việt Nam).
6	Đa dạng sinh học	Theo Công ước về Đa dạng sinh học (1992): Đa dạng sinh học là "tính (đa dạng) biến thiên giữa các sinh vật sống của tất cả các nguồn bao gồm các hệ sinh thái tiếp giáp, trên cạn, biển, các hệ sinh thái thủy vực khác và các tập hợp sinh thái mà chúng là một phần. Tính đa dạng này thể hiện ở trong mỗi bộ, loài, giữa các loài và các hệ sinh học".

DANH SÁCH HÌNH ẢNH SỬ DỤNG TRONG TÀI LIỆU

Hình	Trang	Nguồn
H1.1	5	Ban biên soạn
H1.2	7	
H2.1 – H2.2	11	
H2.3	13	
H2.4	14	
H2.5	15	
H2.6	16	
H2.7 – H2.8	17	
H2.9	18	
H2.10	19	
H3.1 – H3.2	22	
H3.3	23	
H3.4 – H3.5	25	
H4.1	27	
H4.2	28	
H4.3 – H4.4	30	
H4.5 – H4.8	31	
H5.1	32	
H5.2 – H5.3	33	
H5.4	34	
H5.5	35	
H5.6	40	

*Trong sách có sử dụng một số hình ảnh đã được sự đồng ý của các sở, ngành, tổ chức, cá nhân.
Tác giả xin chân thành cảm ơn.*

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG LỚP 10



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Lớp

10



